Số: 371/UBND-KT; 18/09/2025; 11:00:08;

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH HƯỞNG CHÍNH SÁCH NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH 67/2025/NĐ-CP TRONG THÁNG 9 NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số: /UBND-KT ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đăk Môn)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Mức lương tháng hiện hưởng (1.000 đồng)												Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Ngày hiệu lực Quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền	Thời điểm đề nghị nghỉ hưu trước tuổi	Tuổi nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định	Tuổi khi nghỉ hưu trước tuổi	Thời gian nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu theo quy định	Kinh phí để thực hiện chế độ sắp xếp (1.000 đồng)								Nguồn kinh phí thực hiện					Chế độ được hưởng (*Ghi rõ theo quy định tại Điểm Khoản, Điều của Nghị định*)
						Hệ số										Mức lương cơ sở (tại thời điểm tháng liền kề tháng nghỉ việc)	Tiền lương tháng hiện hưởng								Tổng cộng	Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm	Trong đó		Trợ cấp cho số năm nghỉ hưu sớm	Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	Trong đó		Đối với cán bộ, công chức; cán bộ, công chức cấp xã và người lao động		Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN đảm bảo một phần chi thường xuyên: NSNN sẽ bố trí kinh phí giải quyết chính sách, chế độ trên số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN được cấp có thẩm quyền giao.	Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN đảm bảo chi thường xuyên		
						Tổng cộng hệ số	Hệ số lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp hiện hưởng	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có)	Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)	Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị - xã hội	Hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có)			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên								Đối với người nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên	Đối với người nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi			Đối với 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	Đối với số năm còn lại (từ năm thứ 16 trở đi)	Nguồn CCTL ngân sách tỉnh	Nguồn CCTL ngân sách huyện		Nguồn CCTL ngân sách tỉnh	Nguồn CCTL ngân sách huyện	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=(8+…+16)*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18=7*17*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*	*39*
I	**KHỐI ĐẢNG**																																					
	Đối với trường hợp có tuổi đời còn dưới 2 năm đến tuổi nghỉ hưu																								**147.039.750**													
	Y Viên	Nữ	27/7/1974	ĐUV, Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy	Đảng uỷ xã Đăk Môn	5,71	4,32	0,25					1,14			2.340.000	13.367.250	25 năm 06 tháng	25 năm 06 tháng		01/09/2025	52	51 tuổi 01 tháng	11 tháng	147.039.750	**147.039.750**	-		-	-	-	-	x					[1]Theo Điều 7 Nghị định 178/2024 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 nghị định 67/2025; KHOẢN 6 Mục 2 Văn bản số 1814/BNV-TCBM ngày 26/4/2025
II	**KHỐI NHÀ NƯỚC**																																					
A	**Cơ quan hành chính**																								**2.383.290.000**													
I	**Đối với trường hợp có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu**																								**886.640.625**													
1	Y Hải	Nữ	22/12/1975	Trưởng phòng	Phòng Văn hoá - Xã hội	6,06	4,65	0,20					1,21			2.340.000	14.186.250	30 năm	25 năm 1 tháng		01/09/2025	52	49 tuổi 9 tháng	2 năm 11 tháng	886.640.625	**496.518.750**	496.518.750		**212.793.750**	**177.328.125**	70.931.250	106.396.875	x					[1]Theo Điều 7 Nghị định 178/2024 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 nghị định 67/2025; KHOẢN 6 Mục 2 Văn bản số 1814/BNV-TCBM ngày 26/4/2025
II	**Đối với trường hợp có tuổi đời còn từ đủ 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu**																								**1.496.649.375**													
1	Nguyễn Văn Canh	Nam	01/5/1973	Trưởng phòng	Phòng Kinh tế	6,06	4,65	0,20					1,21			2.340.000	14.186.250	29 năm 10 tháng	11 năm 4 tháng		01/09/2025	62	52 tuổi 4 tháng	9 năm 8 tháng	1.496.649.375	**766.057.500**	766.057.500		**567.450.000**	**163.141.875**	56.745.000	106.396.875	x					[1]Theo Điều 7 Nghị định 178/2024 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 nghị định 67/2025; KHOẢN 6 Mục 2 Văn bản số 1814/BNV-TCBM ngày 26/4/2025
TỔNG CỘNG 03 TRƯỜNG HỢP																									**2.530.329.750**													

PHỤ LỤC II

DANH SÁCH HƯỞNG CHÍNH SÁCH NGHỈ THÔI VIỆC THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP NGHỊ ĐỊNH 67/2025/NĐ-CP TRONG THÁNG 9 NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số: /UBND-KT ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đăk Môn)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Mức lương tháng hiện hưởng (1.000 đồng)												Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Ngày hiệu lực Quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền	Thời điểm đề nghị nghỉ hưu trước tuổi	Tuổi nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định	Tuổi khi nghỉ hưu trước tuổi	Thời gian nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu theo quy định	Kinh phí để thực hiện chế độ sắp xếp (1.000 đồng)						Nguồn kinh phí thực hiện					Chế độ được hưởng (Ghi rõ theo quy định tại Điểm Khoản, Điều của Nghị định)
						Hệ số										Mức lương cơ sở (tại thời điểm tháng liền kề tháng nghỉ việc)	Tiền lương tháng hiện hưởng	Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên						Tổng cộng	Trợ cấp thôi việc	Trong đó		Trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.	Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm **(Không bao gồm đối tượng viên chức)**	Đối với cán bộ, công chức; cán bộ, công chức cấp xã và người lao động		Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN đảm bảo một phần chi thường xuyên: NSNN sẽ bố trí kinh phí giải quyết chính sách, chế độ trên số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN được cấp có thẩm quyền giao.	Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN đảm bảo chi		
						Tổng cộng hệ số	Hệ số lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp hiện hưởng	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có)	Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)	Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị - xã hội	Hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có)											Tổng cộng	Trợ cấp thôi việc	Đối với người nghỉ thôi việc trong thời hạn 12 tháng đầu tiên	Đối với người nghỉ thôi việc từ tháng thứ 13 trở đi			Nguồn CCTL ngân sách tỉnh	Nguồn CCTL ngân sách huyện		Nguồn CCTL ngân sách tỉnh	Nguồn CCTL ngân sách huyện	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=(8+…+16)*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*16*	*17*	*18=7*17*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*	*34*	*35*	*36*
A	**KHỐI ĐẢNG**																								***868.725.000***												
1	Nguyễn Hải Long	Nam	16/8/1968	Chủ tịch	Hội Cựu chiến binh xã Đăk Kroong	2,81	2,25						0,56			2.340.000	6.581.250	10 năm	9,8 năm		01/9/2025	62	57 tuổi	05 năm	**434.362.500**	315.900.000	315.900.000		98.718.750	19.743.750	x					'Theo Điều 9 Nghị định 178/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 nghị định 67/2025/NĐ-CP;
2	A Bương	Nam	8/6/1979	Chủ tịch	Hội Cựu chiến binh xã Đăk Môn	2,81	2,25						0,56			2.340.000	6.581.250	10 năm	9,8 năm		01/9/2025	62	46 tuổi 03 tháng	15 năm 09 tháng	**434.362.500**	315.900.000	315.900.000		98.718.750	19.743.750	x					'Theo Điều 9 Nghị định 178/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 nghị định 67/2025/NĐ-CP;
B	**KHỐI NHÀ NƯỚC**																								**2.334.413.250**												
1	A Phương	03/10/1975	Nam	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Văn phòng HĐND-UBND xã Đăk Môn	4,58	3,66						0,92			2.340.000	10.705.500	27 năm 8 tháng	23 năm 02 tháng		01/9/2025	57	49 tuổi 11 tháng	08 năm 03 tháng	**995.611.500**	513.864.000	513.864.000		449.631.000	32.116.500	x					'Theo Điều 9 Nghị định 178/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 nghị định 67/2025/NĐ-CP;
2	A Phin	20/10/1976	Nam	Công chức Văn hoá - Xã hội	Phòng Văn hoá - Xã hội	3,83	3,06						0,77			2.340.000	8.950.500	14 năm 10 tháng	14 năm 10 tháng		01/9/2025	62	49 tuổi 10 tháng	13 năm 02 tháng	**657.861.750**	429.624.000	429.624.000		201.386.250	26.851.500	x					'Theo Điều 9 Nghị định 178/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 nghị định 67/2025/NĐ-CP;
3	A Ngô	15/02/1978	Nam	Phó trưởng phòng	Phòng Văn hoá - Xã hội	4,00	3,00	0,2					0,80			2.340.000	9.360.000	14 năm	14 năm		01/9/2025	62	47 tuổi 7 tháng	14 năm 05 tháng	**680.940.000**	449.280.000	449.280.000		203.580.000	28.080.000						'Theo Điều 9 Nghị định 178/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 nghị định 67/2025/NĐ-CP;
TỔNG CỘNG 05 TRƯỜNG HỢP																									**3.203.138.250**												